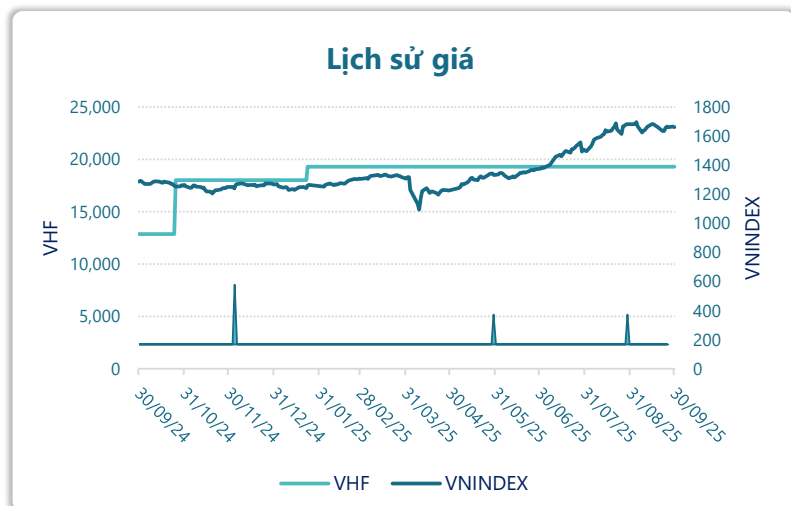


CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà (UPCOM: VHF)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,867
SL cổ phiếu LH	21,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	419
P/E	83.1
EPS	235

DT thuần
Q3/25

92.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.6 | -35.4%

YoY: ▼23.6 | -20.3%

LN sau thuế
Q3/25

1.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.06 | -3.1%

YoY: ▼1.05 | -36.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

3.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần
9T 2025

373

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0 | -8.1%

LN sau thuế
9T 2025

6.02

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.07 | 1.0%

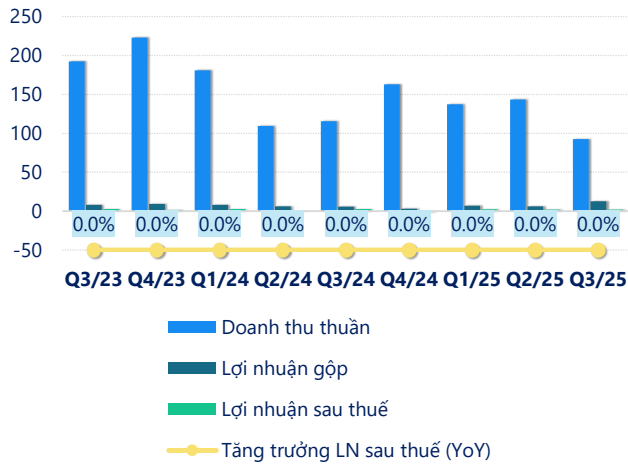
ROE
Q3/25

2.2%

+/- YoY: ▼ 1.1%

tỷ VNĐ

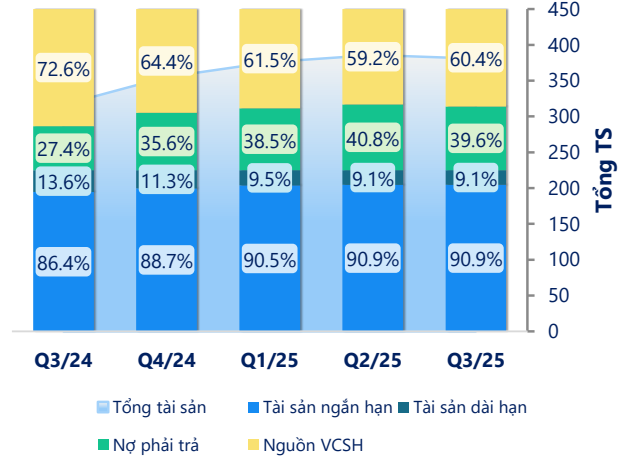
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

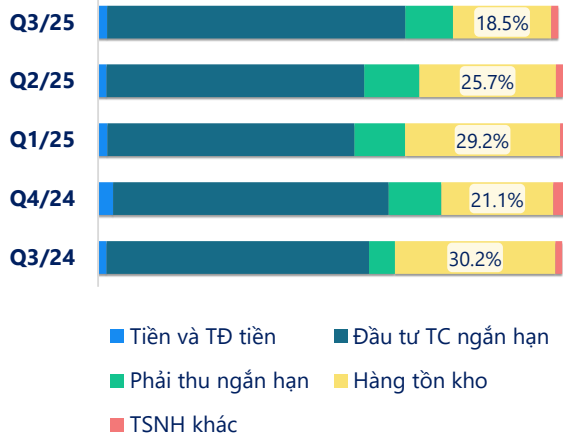
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



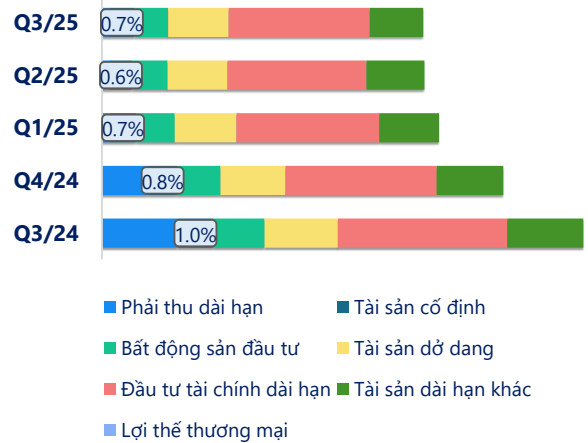
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

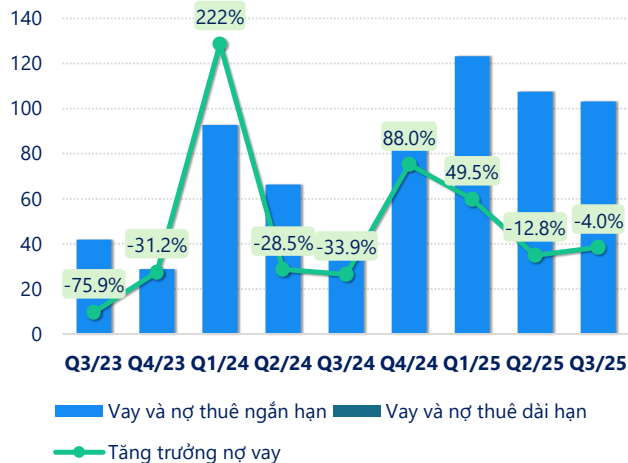
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

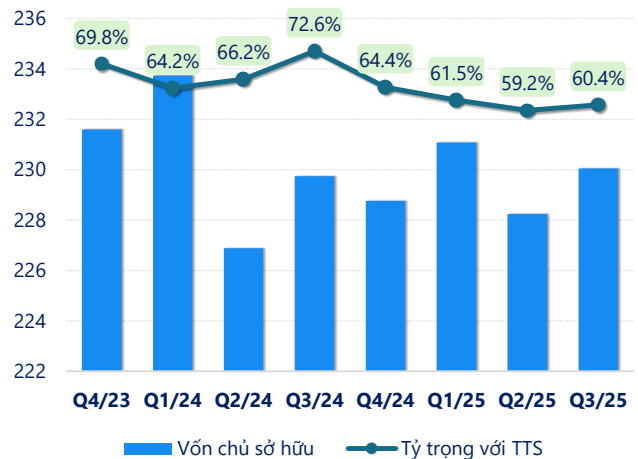
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

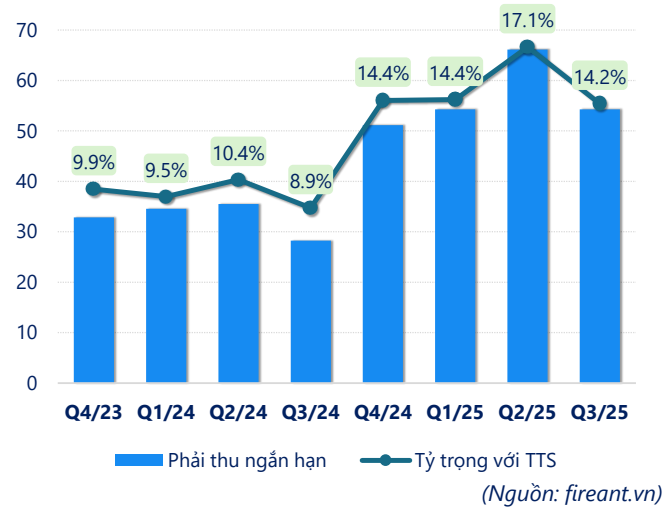
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

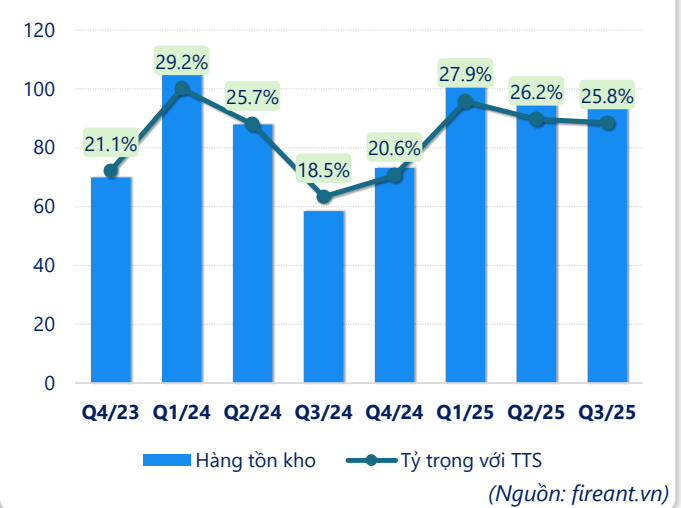


(Nguồn: fireant.vn)

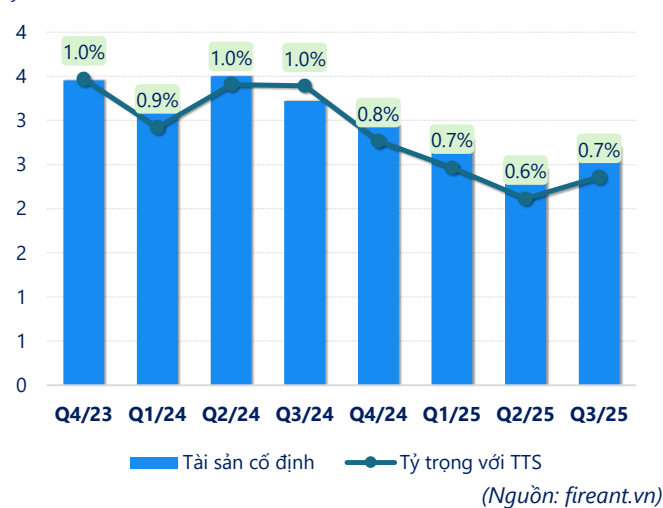
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


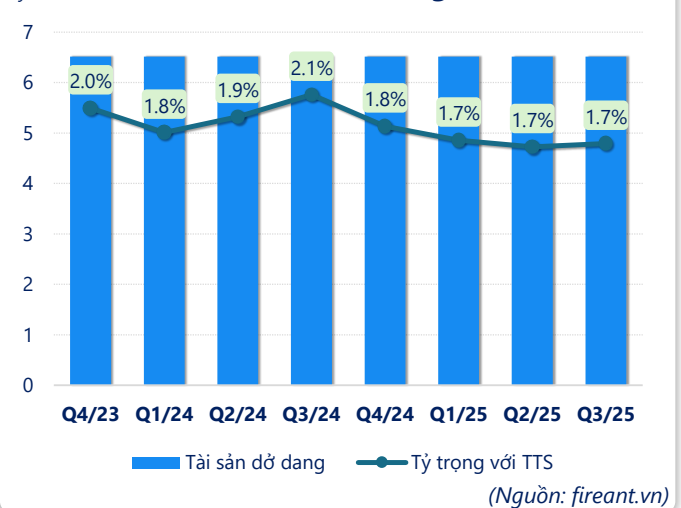
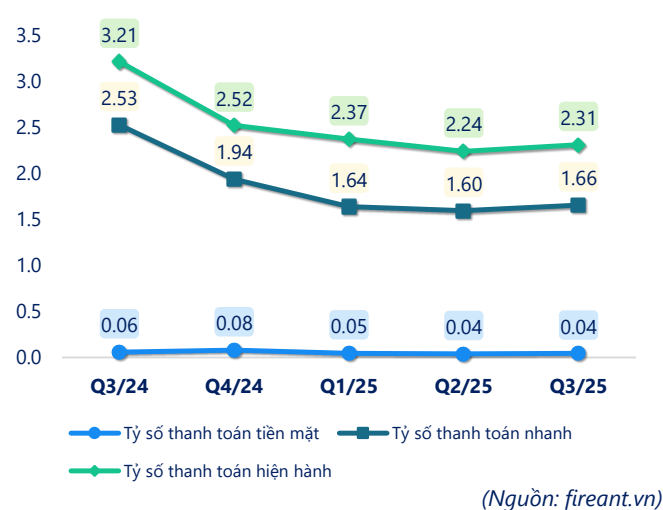
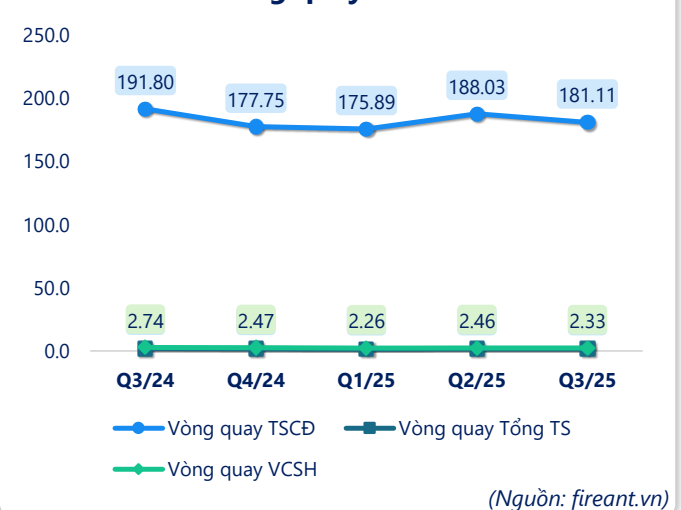
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	316	355	376	386	381
Tài sản ngắn hạn	274	315	340	351	346
Tiền và tương đương tiền	4.96	9.97	6.70	6.19	6.56
Đầu tư tài chính ngắn hạn	178	177	170	174	183
Phải thu ngắn hạn	28.3	51.2	54.3	66.1	54.2
Hàng tồn kho	58.5	73.1	105	101	98.2
Tài sản ngắn hạn khác	4.29	4.10	4.39	3.93	3.92
Tài sản dài hạn	43.0	40.2	35.7	35.1	34.5
Phải thu dài hạn	6.74	4.60	0.85	0.85	0.79
Tài sản cố định	3.22	2.95	2.78	2.45	2.70
Bất động sản đầu tư	4.57	4.33	4.09	3.85	3.61
Tài sản dở dang	6.51	6.51	6.51	6.51	6.51
Đầu tư tài chính dài hạn	15.1	15.1	15.1	15.1	15.1
Tài sản dài hạn khác	6.79	6.66	6.34	6.29	5.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	86.7	126	145	158	151
Nợ ngắn hạn	85.1	125	143	157	150
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.8	82.4	123	107	103
Phải trả người bán ngắn hạn	11.6	34.1	8.61	27.7	12.2
Nợ dài hạn	1.66	1.46	1.27	1.07	0.86
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	230	229	231	228	230
Vốn chủ sở hữu	230	229	231	228	230
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)